

Số /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Sổ tay hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ của Trạm Y tế lưu động

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định 4042/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2021 về việc “Hướng dẫn tạm thời mô hình trạm y tế lưu động trong bối cảnh dịch COVID-19”

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Sổ tay hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ của Trạm Y tế lưu động”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế; Tổng Cục trưởng thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp);
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, AIDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn



quangth.dp - Tran Huu Quang - 13/09/2021 09:10:10

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ
CỦA TRẠM Y TẾ LƯU ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng 09 năm 2021)

Hà Nội, tháng 9/2021

LỜI NÓI ĐẦU

Dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên thế giới cũng như tại Việt Nam đòi hỏi Chính phủ và ngành y tế mỗi quốc gia phải có những chiến lược và cách ứng phó với dịch một cách linh hoạt và hiệu quả. Tại Việt Nam, dịch COVID-19 đã làm cho một số tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng nặng nề, số người nhiễm COVID-19 rất lớn dẫn đến quá tải cho việc theo dõi, chăm sóc và điều trị người nhiễm COVID-19 tại các cơ sở y tế. Do vậy việc quản lý, theo dõi, chăm sóc và triển khai các hoạt động phòng, chống COVID-19 tại nhà và cộng đồng là hết sức quan trọng.

Ngày 21/8/2021, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 4042/QĐ-BYT về Hướng dẫn tạm thời mô hình Trạm y tế lưu động trong bối cảnh dịch COVID-19. Mô hình này đã phát huy có hiệu quả cho những địa phương có số người nhiễm COVID-19 cao và Hướng dẫn này là cơ sở để Trung tâm Y tế các quận, huyện triển khai các mô hình Trạm y tế lưu động – cơ sở theo dõi, chăm sóc và điều trị cho những người nhiễm COVID-19 tại nhà và cộng đồng phù hợp với bối cảnh dịch của từng địa phương.

Nhằm giúp các cán bộ y tế đang làm việc tại các Trạm y tế lưu động hiểu rõ và thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, Bộ Y tế tiếp tục ban hành cuốn Sổ tay hướng dẫn triển khai nhiệm vụ của các Trạm Y tế lưu động. Tài liệu này sẽ tập trung vào hướng dẫn chuyên môn từng nhiệm vụ cụ thể của Trạm Y tế lưu động.

Hy vọng, cuốn Sổ tay này sẽ giúp các cán bộ y tế công tác tại các Trạm Y tế lưu động có thể tra cứu nhanh các nội dung chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ của mình để phục vụ công tác phòng, chống COVID-19 một cách có hiệu quả.

BỘ Y TẾ

MỤC LỤC

NHIỆM VỤ 1 QUẢN LÝ, THEO DÕI, CHĂM SÓC NGƯỜI NHIỄM COVID-19 TẠI NHÀ VÀ TẠI CỘNG ĐỒNG.....	4
1. Đối tượng được cách ly theo dõi tại nhà.....	4
2. Quản lý danh sách F0 cách ly tại nhà	4
3. Hướng dẫn F0 hoặc thành viên gia đình chuẩn bị để cách ly F0 tại nhà.....	5
4. Hướng dẫn F0 tự theo dõi sức khỏe tại nhà.....	5
5. Trạm y tế lưu động trực tiếp tổ chức khám bệnh, cấp thuốc và hướng dẫn điều trị F0 tại nhà.....	7
6. Hướng dẫn cách ly và dự phòng lây nhiễm COVID-19 tại gia đình	8
7. Hướng dẫn về hỗ trợ tâm lý cho F0 và thành viên gia đình	10
8. Tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình COVID trên địa bàn.....	10
NHIỆM VỤ 2 XÉT NGHIỆM COVID-19	11
1. Đối tượng xét nghiệm	11
2. Mẫu bệnh phẩm xét nghiệm COVID-19	11
3. Lấy bệnh phẩm xét nghiệm tìm vật chất di truyền SARS-CoV-2 (xét nghiệm PCR).....	11
4. Lấy mẫu xét nghiệm test nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2.....	14
NHIỆM VỤ 3 TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG, CHỐNG COVID-19	16
1. Quản lý danh sách người dân trên địa bàn cần tiêm chủng vắc xin COVID-19	16
2. Tổ chức như một điểm tiêm vắc xin phòng COVID-19 hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác tiêm chủng vắc xin COVID-19	16
3. Sơ cấp cứu và chuyển tuyến các trường hợp có phản ứng muộn sau tiêm chủng vắc xin COVID-19	19
4. Tư vấn chuyển tuyến các trường hợp không đủ điều kiện tiêm chủng tại cộng đồng vào tiêm chủng tại các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.....	19
NHIỆM VỤ 4 TRUYỀN THÔNG VỀ COVID-19.....	20
1. Nội dung truyền thông	20
2. Một số hình thức truyền thông	20
NHIỆM VỤ 5 KHÁM, ĐIỀU TRỊ, CẤP THUỐC CHO NGƯỜI MẮC CÁC BỆNH KHÁC ...	20
CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	20
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỦA TRẠM Y TẾ LƯU ĐỘNG

NHIỆM VỤ 1 QUẢN LÝ, THEO DÕI, CHĂM SÓC NGƯỜI NHIỄM COVID-19 TẠI NHÀ VÀ TẠI CỘNG ĐỒNG

1. Đối tượng được cách ly theo dõi tại nhà

Những địa phương có số người nhiễm COVID-19 (sau đây gọi tắt là F0) quá nhiều, vượt khả năng thu dung của các cơ sở điều trị và cơ sở cách ly tập trung thì có thể triển khai việc cách ly, theo dõi, chăm sóc và điều trị F0 tại nhà. Người nhiễm COVID-19 có đủ các điều kiện sau đây được các cơ quan có trách nhiệm xem xét cho cách ly, theo dõi tại nhà:

1.1. Mức độ bệnh và đặc điểm của người nhiễm COVID-19

- Không triệu chứng hoặc triệu chứng mức độ nhẹ (không có suy hô hấp: SpO₂ ≥ 96%, nhịp thở ≤ 20 lần/phút).
- Tuổi: Trên 12 tháng và dưới 50 tuổi.
- Bệnh, thể trạng kèm theo: không có bệnh nền (Danh sách các bệnh nền xem ở Phụ lục 1).
- Không đang mang thai.

1.2. Khả năng người nhiễm COVID-19 tự chăm sóc

- Có thể tự chăm sóc bản thân như ăn uống, giặt quần áo, vệ sinh cá nhân.
- Biết cách đo thân nhiệt.
- Có khả năng liên lạc với nhân viên y tế để được theo dõi, giám sát. Khi có tình trạng cấp cứu, có sẵn và sử dụng được các phương tiện liên lạc như điện thoại, máy tính...
- Có khả năng tự dùng thuốc theo đơn thuốc (toa) của bác sỹ.
- Nếu F0 không có khả năng tự chăm sóc thì gia đình phải có người khỏe mạnh, có kiến thức chăm sóc người nhiễm, biết cách phòng ngừa lây nhiễm để hỗ trợ người nhiễm thực hiện các tiêu chí tại mục này. Tuy nhiên nên hạn chế số lượng người chăm sóc.

2. Quản lý danh sách F0 cách ly tại nhà

- Lập danh sách F0 cách ly tại nhà được giao quản lý theo mẫu tại Phụ lục 02.

- Đánh giá người nhiễm COVID-19 theo các tiêu chí quy định của Bộ Y tế, xác định những trường hợp F0 được cách ly, theo dõi tại nhà.
- Thường xuyên cập nhật danh sách F0 trên địa bàn được giao quản lý.

3. Hướng dẫn F0 hoặc thành viên gia đình chuẩn bị để cách ly F0 tại nhà

- Lưu lại các số điện thoại: đường dây nóng phòng chống dịch; người được phân công hỗ trợ theo dõi sức khỏe người nhiễm và các số điện thoại khác có thể liên lạc khi cần thiết.

- Hướng dẫn gia đình lựa chọn phòng riêng và nhà vệ sinh riêng cho người nhiễm COVID-19 sử dụng, hoặc lựa chọn vị trí phù hợp để phòng lây nhiễm cho các thành viên trong gia đình.

- Xác định một người trong gia đình phù hợp để chăm sóc F0 (nếu cần).

- Chuẩn bị các vật dụng tối thiểu: Khẩu trang y tế dùng 1 lần (tối thiểu đủ dùng cho cả gia đình trong 2 tuần); găng tay y tế (tối thiểu đủ dùng cho người chăm sóc trong 2 tuần); nhiệt kế, máy đo huyết áp; thùng đựng chất thải lây nhiễm có nắp đậy và các túi nilon để lót bên trong thùng.

- Dụng cụ cá nhân dùng riêng cho F0: bàn chải răng, khăn tắm, khăn mặt, chậu tắm, giặt, bộ đồ dùng ăn uống, xà phòng (tắm, giặt), máy giặt (nếu có), dụng cụ phơi, sấy trang phục cá nhân.

- Các thuốc đang sử dụng cho người trong gia đình: cao huyết áp, đái tháo đường, gút... với số lượng có thể dùng trong ít nhất 30 ngày.

- Các thuốc và đơn thuốc (toa) của bác sỹ đối với người nhiễm (nếu có).

Lưu ý: Khi một người trong gia đình nhiễm COVID-19, có nghĩa các thành viên khác trong gia đình cũng có thể đã nhiễm. Do đó, cần phải thực hiện cách ly tại nhà để tránh lây nhiễm cho cộng đồng.

4. Hướng dẫn F0 tự theo dõi sức khỏe tại nhà

Việc theo dõi sức khỏe F0 hàng ngày là rất cần thiết, nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp trở nặng để có xử trí và chuyển đến bệnh viện điều trị kịp thời. Theo dõi F0 tại nhà có thể thực hiện qua các cách sau:

- F0 hoặc thành viên gia đình tự theo dõi sức khỏe cho F0 tại nhà.
- Trạm y tế cấp xã hoặc trạm y tế lưu động theo dõi sức khỏe F0 tại nhà
- Tổ chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại cộng đồng chăm sóc sức tại nhà.

Các trường hợp F0 không triệu chứng hoặc thể nhẹ có thể tự theo dõi sức khỏe hàng ngày bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Bảng theo dõi sức khỏe 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi chiều. Những dấu hiệu cần theo dõi hàng ngày:

- Nhịp thở, mạch, nhiệt độ, độ bão hòa ô xy trong máu - SpO2 (nếu có thể đo) và huyết áp (nếu có thể đo).

- Các triệu chứng: Mệt mỏi, ho, ho ra đờm, ớn lạnh/gai rét, viêm kết mạc (mắt đỏ), mất vị giác hoặc khứu giác, tiêu chảy (phân lỏng/đi ngoài); ho ra máu, thở dốc hoặc khó thở, đau tức ngực kéo dài, lơ mơ, không tỉnh táo.

- Các triệu chứng khác như: Đau họng, nhức đầu, chóng mặt, chán ăn, buồn nôn và nôn, đau nhức cơ...

Khi thấy có một trong các dấu hiệu trở nặng thì liên hệ ngay với nhân viên y tế được phân công theo dõi sức khỏe của F0 hoặc trạm y tế cấp xã, trạm y tế lưu động, trung tâm vận chuyển cấp cứu.

CÁC DẤU HIỆU TRỞ NẶNG CỦA NGƯỜI NHIỄM COVID-19 - cần được chuyển ngay đi bệnh viện -	
<p>(1) Khó thở, thở hụt hơi, hoặc ở trẻ em có dấu hiệu thở bất thường: thở rên, rút lõm lồng ngực, phập phồng cánh mũi, khò khè, thở rít thì hít vào.</p> <p>- Nhịp thở tăng:</p> <p>+ Người lớn: ≥ 21 lần/phút</p> <p>+ Trẻ 1 đến <5 tuổi: ≥ 40 lần/phút,</p> <p>+ Trẻ 5 đến < 12 tuổi: ≥ 30 lần/phút</p> <p><i>(Lưu ý đếm nhịp thở ở trẻ em: đếm đủ trong 1 phút khi trẻ nằm yên không khóc).</i></p> <p>(2) SpO2 $\leq 95\%$ (nếu có thể đo). Khi phát hiện bất thường, đo lại lần 2 sau 30 giây đến 1 phút, khi đo yêu cầu giữ yên vị trí đo. Tẩy sơn móng tay (nếu có) trước khi đo.</p> <p>(3) Mạch nhanh > 120 nhịp/phút hoặc dưới 50 lần/phút.</p>	<p>(4) Huyết áp thấp: huyết áp tối đa < 90 mmHg, huyết áp tối thiểu < 60 mmHg (nếu có thể đo).</p> <p>(5) Đau tức ngực thường xuyên, cảm giác bó thắt ngực, đau tăng khi hít sâu.</p> <p>(6) Thay đổi ý thức: Lú lẫn, ngủ rũ, lơ mơ, rất mệt/mệt lả, trẻ quấy khóc, li bì khó đánh thức, co giật.</p> <p>(7) Tím môi, tím đầu móng tay, móng chân, da xanh, môi nhợt, lạnh đầu ngón tay, ngón chân.</p> <p>(8) Không thể uống; trẻ em bú kém/giảm, ăn kém, nôn.</p> <p>(9) Trẻ có biểu hiện: Sốt cao, đỏ mắt, môi đỏ, lưỡi đỏ, ngón tay chân sưng phù nổi ban đỏ, nốt hoặc mảng xuất huyết...</p> <p>(10) Bất kỳ tình trạng nào mà F0 cảm thấy lo lắng, bất ổn.</p>

Ngoài hướng dẫn về theo dõi sức khỏe, trạm y tế lưu động có thể hướng dẫn thêm một số nội dung khác:

Hướng dẫn chế độ ăn uống, sinh hoạt cho người nhiễm COVID-19

- Nghỉ ngơi, vận động thể lực nhẹ (phù hợp với tình trạng sức khỏe); tập thở ít nhất 15 phút mỗi ngày;
- Uống nước thường xuyên, không đợi đến khi khát mới uống nước;
- Không bỏ bữa, tăng cường dinh dưỡng: ăn đầy đủ chất, ăn trái cây, uống nước hoa quả...
- Suy nghĩ tích cực, duy trì tâm lý thoải mái. Tránh xem, đọc hoặc nghe những tin tức tiêu cực về dịch COVID-19 trên các mạng xã hội.

Hướng dẫn cách sử dụng nhiệt kế

- Nên chuẩn bị 2 chiếc nhiệt kế: Một chiếc dùng cho người nhiễm, chiếc còn lại dùng cho những người khác.
- Đo thân nhiệt người nhiễm ít nhất 2 lần/ngày vào buổi sáng, buổi chiều và khi có dấu hiệu bất thường, ghi vào phiếu theo dõi sức khỏe.
- Cách sử dụng nhiệt kế:
 - + Rửa tay thật kỹ bằng xà phòng và nước trong ít nhất 20 giây và lau khô.
 - + Sát trùng nhiệt kế bằng gạc tẩm cồn 70 độ trước và sau mỗi lần dùng.
 - + Đối với nhiệt kế thủy ngân, vẩy xuôi nhiệt kế vài lần để mực thủy ngân xuống dưới mức 36,5°C trước khi đo.
 - + Đối với nhiệt kế điện tử, làm theo hướng dẫn đi kèm nhiệt kế điện tử để đo và đọc nhiệt độ.

5. Trạm y tế lưu động trực tiếp tổ chức khám bệnh, cấp thuốc và hướng dẫn điều trị F0 tại nhà

Trạm y tế lưu động chịu trách nhiệm theo dõi sức khỏe của tất cả F0 trong danh sách hoặc khu vực được giao. Tùy số lượng F0 và nguồn nhân lực, trạm y tế lưu động tập trung ưu tiên khám, chữa bệnh, theo dõi sức khỏe tại nhà cho các trường hợp F0 có dấu hiệu bệnh, có biểu hiện hoặc có nguy cơ bệnh diễn biến nặng hơn.

- Ghi chép, cập nhật thông tin về tình trạng sức khỏe người nhiễm COVID-19 hàng ngày và ghi vào các Phiếu theo dõi sức khỏe người nhiễm COVID-19 theo quy định hoặc phần mềm quản lý sức khỏe người nhiễm COVID-19.
- Tiếp nhận các cuộc gọi điện thoại và tư vấn cho người nhiễm COVID-19, người chăm sóc.

- Đến nhà người nhiễm COVID-19 để hỗ trợ trực tiếp, trong các trường hợp: Người nhiễm COVID-19 có tình trạng cấp cứu cần xác định mức độ để có hướng xử trí phù hợp. Không nhận được báo cáo về tình trạng sức khỏe của người nhiễm COVID-19 và không liên lạc được với người nhiễm COVID-19 hoặc người chăm sóc.

Khám bệnh, kê đơn, xử trí điều trị triệu chứng tại nhà

Do chưa có thuốc đặc hiệu, điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng là chủ yếu.

- Sốt:

+ Đối với người lớn: $>38,5^{\circ}\text{C}$ hoặc đau đầu, đau người nhiều: uống mỗi lần 1 viên thuốc hạ sốt như Paracetamol 0,5g, có thể lặp lại mỗi 4-6h, ngày không quá 4 viên, uống oresol nếu uống kém/giảm hoặc có thể dùng uống thay nước.

+ Đối với trẻ em: $>38,5^{\circ}\text{C}$, uống thuốc hạ sốt như paracetamol liều 10-15mg/kg/lần, có thể lặp lại mỗi 4-6h, không quá 4 lần/ngày.

- Ho: kê đơn dùng thuốc giảm ho thông thường.

- Hướng dẫn F0 dùng thuốc kháng viêm, chống đông, thuốc kháng virus (nếu có) theo quy định của Bộ Y tế.

- Có thể dùng thêm các vitamin.

- Hướng dẫn sử dụng túi thuốc an sinh mà F0 nhận được (nếu có).

Lưu ý: Tất cả các trường hợp F0 khám, theo dõi và điều trị tại nhà chỉ là các trường hợp nhẹ hoặc không có triệu chứng. Các trường hợp tiên lượng nặng hoặc ca bệnh nhẹ ở người có các bệnh mạn tính hay người cao tuổi cần được chuyển điều trị tại các cơ sở y tế có buồng bệnh hồi sức tích cực.

6. Hướng dẫn cách ly và dự phòng lây nhiễm COVID-19 tại gia đình

6.1. Yêu cầu đối với người cách ly y tế tại nhà:

- Chấp hành nghiêm các quy định về thời gian cách ly y tế tại nhà, cam kết với chính quyền địa phương.

- Không ra khỏi phòng cách ly trong suốt thời gian cách ly, không tiếp xúc với người trong gia đình cũng như những người khác; không tiếp xúc với động vật nuôi trong nhà.

- Luôn thực hiện Thông điệp 5K và các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

- Cài đặt, bật và khai báo y tế hàng ngày trên ứng dụng VHD hoặc Bluezone trong suốt thời gian cách ly.

- Không dùng chung các đồ dùng, vật dụng cá nhân như bát, đĩa, thìa, cốc, bàn chải đánh răng, khăn mặt với người khác.

- Tự thực hiện các biện pháp vệ sinh khử khuẩn nơi ở hàng ngày theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.

- Phân loại chất thải theo hướng dẫn.

- Sau khi hết thời gian cách ly, phải thực hiện tiếp việc tự theo dõi sức khỏe tại nhà theo quy định.

- Phải được lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 ít nhất 3 lần vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 và ngày thứ 14 kể từ khi bắt đầu cách ly.

6.2. Yêu cầu đối với người ở cùng nhà:

- Có cam kết với chính quyền địa phương theo mẫu và cùng ký cam kết với người chăm sóc, hỗ trợ người cách ly.

- Không tiếp xúc gần với F0 cách ly tại nhà, không đi ra ngoài khi không cần thiết, thực hiện Thông điệp 5K và phải ghi chép đầy đủ các mốc tiếp xúc trong thời gian cố người cách ly tại nhà.

- Cung cấp suất ăn, nước uống và các nhu yếu phẩm cần thiết hàng ngày riêng cho người cách ly.

- Không cho người khác vào nhà trong suốt thời gian thực hiện cách ly y tế (trừ người ở cùng nhà, nhân viên y tế và người có thẩm quyền giám sát cách ly y tế).

- Tự theo dõi sức khỏe; khi có biểu hiện nghi ngờ như ho, sốt, đau rát họng, khó thở thì phải báo ngay cho cán bộ y tế.

- Thu gom chất thải từ phòng cách ly theo hướng dẫn; thực hiện vệ sinh khử khuẩn nhà ở hàng ngày.

- Tất cả người ở cùng nhà được lấy mẫu gộp xét nghiệm SARS-CoV-2 ít nhất 3 lần vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 và ngày thứ 14 kể từ khi người cách ly bắt đầu cách ly (trừ người ở cùng nhà đã chuyên đi ở nơi khác), sắp xếp một khu vực trong nhà để nhân viên y tế lấy mẫu xét nghiệm và giám sát y tế khi có yêu cầu.

6.3. Yêu cầu đối với cán bộ y tế:

- Hàng ngày tiếp nhận thông tin và kiểm tra tình trạng sức khỏe người cách ly, người chăm sóc, hỗ trợ người cách ly. Hỗ trợ người cách ly đo thân nhiệt nếu người cách ly không tự đo được. Ghi chép kết quả giám sát vào phiếu theo dõi sức khỏe hàng ngày.

- Thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm SARS-CoV-2 cho người cách ly người chăm sóc, hỗ trợ và người ở cùng nhà theo quy định.

- Hướng dẫn người cách ly, người chăm sóc, hỗ trợ và người ở cùng nhà thu gom chất thải theo hướng dẫn.

- Báo cáo ngay cho y tế tuyến trên và chính quyền địa phương khi người cách ly, người chăm sóc, hỗ trợ và người ở cùng nhà có biểu hiện mắc bệnh như sốt, ho, khó thở và các biểu hiện sức khỏe khác.

- Nếu người cách ly, người chăm sóc, hỗ trợ và người ở cùng nhà có kết quả xét nghiệm dương tính thì xử lý theo quy định.

7. Hướng dẫn về hỗ trợ tâm lý cho F0 và thành viên gia đình

7.1. Căng thẳng tinh thần

- Khi một người nhiễm COVID-19, các thành viên trong gia đình có thể thấy lo âu, căng thẳng.

- Người nhiễm COVID-19 có thể gặp các tình trạng căng thẳng tinh thần như:

+ Sợ hãi và lo lắng về sức khỏe của bản thân và người thân.

+ Thay đổi thói quen ngủ, khó ngủ hoặc khó tập trung.

+ Ăn uống kém, chán ăn.

+ Các bệnh mạn tính trầm trọng hơn như bệnh dạ dày, tim mạch...

+ Các bệnh tâm thần có thể trầm trọng hơn.

+ Uống rượu, hút thuốc hoặc sử dụng các loại thuốc khác nhiều hơn.

7.2. Rèn luyện sức khỏe, ứng phó với căng thẳng tinh thần

- Người nhiễm COVID-19 ngoài chăm sóc, dinh dưỡng hợp lý, cần tập luyện tăng cường chức năng hô hấp và vận động hàng ngày với tinh thần lạc quan để cải thiện sức khỏe. Một số bài tập thở, vận động gồm: Hít thở sâu hoặc thực hành thiền; vận động tại giường; bài tập giãn cơ; bài tập thể lực tăng sức bền; tránh thức khuya; không sử dụng rượu/bia, thuốc lá, các loại thức ăn, đồ uống có chất kích thích.

- Tránh xem, đọc hoặc nghe những câu chuyện tin tức về dịch COVID-19, nhất là trên các mạng xã hội: zalo, facebook, youtube, tiktok...

- Dành thời gian nghỉ ngơi thư giãn; cố gắng thực hiện các hoạt động mà bản thân yêu thích.

- Gọi cho nhân viên y tế phụ trách nếu căng thẳng tinh thần ảnh hưởng đến các hoạt động hàng ngày trong nhiều ngày liên tiếp.

8. Tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình COVID trên địa bàn

- Tổng hợp và báo cáo các trường hợp nhiễm COVID-19 trên địa bàn đã khỏi bệnh và các trường hợp nhiễm COVID-19 hết thời gian cách ly tại nhà.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình COVID-19 trên địa bàn phụ trách.

NHIỆM VỤ 2 XÉT NGHIỆM COVID-19

1. Đối tượng xét nghiệm

- Với F0 cách ly tại nhà: Lấy mẫu xét nghiệm tại nhà (Realtime RT PCR; hoặc Test nhanh kháng nguyên) cho người nhiễm COVID-19 vào ngày 14 để chuẩn bị kết thúc thời gian cách ly.

- Với người chăm sóc, người ở cùng nhà: Lấy mẫu xét nghiệm tại nhà (Realtime RT PCR; hoặc Test nhanh kháng nguyên) định kỳ 3 ngày/lần cho đến khi kết thúc thời gian cách ly của hộ gia đình.

- Với người dân trên địa bàn: Lấy mẫu xét nghiệm tất cả các trường hợp sốt, ho, đau họng, hội chứng cúm, viêm đường hô hấp tại cộng đồng, cơ sở điều trị, các hiệu thuốc trên toàn địa bàn. Tùy theo tình hình dịch tại địa bàn, đánh giá dịch tễ để tiến hành lấy mẫu xét nghiệm tại khu vực khoanh vùng dịch tễ. Lấy mẫu gộp theo hộ gia đình hoặc lấy mẫu đơn căn cứ theo tình hình dịch và hướng dẫn của cơ quan quản lý y tế cấp trên.

2. Mẫu bệnh phẩm xét nghiệm COVID-19

Mẫu bệnh phẩm xét nghiệm COVID-19 chủ yếu bằng phương pháp ngoáy *dịch tỵ hầu*. Trong trường hợp không lấy được mẫu ngoáy dịch tỵ hầu thì có thể lấy mẫu ngoáy *dịch họng* hoặc ngoáy *dịch mũi* (cả hai bên mũi).

3. Lấy bệnh phẩm xét nghiệm tìm vật chất di truyền SARS-CoV-2 (xét nghiệm PCR)

3.1. Kỹ thuật lấy mẫu ngoáy dịch tỵ hầu

- Yêu cầu bệnh nhân ngồi yên, xì nhẹ dịch mũi vào khăn giấy, mặt hơi ngửa, trẻ nhỏ thì phải có người lớn giữ.

- Người lấy bệnh phẩm nghiêng đầu bệnh nhân ra sau khoảng 70 độ, tay đỡ phía sau cổ bệnh nhân.

- Tay kia đưa nhẹ nhàng que lấy mẫu vào mũi, vừa đẩy vừa xoay giúp que lấy mẫu đi dễ dàng vào sâu 1 khoảng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài từ cánh mũi đến dái tai cùng phía.

Lưu ý: nếu chưa đạt được độ sâu như vậy mà cảm thấy có lực cản rõ thì rút que lấy mẫu ra và thử lấy mũi bên kia. Khi cảm thấy que lấy mẫu chạm vào thành sau họng mũi thì dừng lại, xoay tròn rồi từ từ rút que lấy mẫu ra

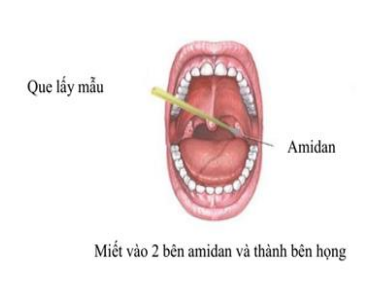


Hình 1: Lấy mẫu ngoáy dịch ty hầu

- Giữ que lấy mẫu tại chỗ lấy mẫu trong vòng 5 giây để đảm bảo dịch thấm tối đa.
- Từ từ xoay và rút que lấy mẫu ra.
- Đặt đầu que lấy mẫu vào ống đựng bệnh phẩm có chứa môi trường vận chuyển và bẻ cán que lấy mẫu tại điểm đánh dấu để có độ dài phù hợp với độ dài của ống nghiệm chứa môi trường vận chuyển. Lưu ý: Que ngoáy dịch ty hầu sẽ được để chung vào ống môi trường chứa que lấy mẫu lấy dịch ngoáy họng nếu lấy cả hai loại.
- Đóng nắp, xiết chặt, bọc ngoài bằng giấy parafin (nếu có).
- Lưu ý: Đối với trẻ nhỏ đặt ngồi trên đùi của cha/mẹ, lưng của trẻ đối diện với phía ngực cha mẹ. Cha/mẹ cần ôm trẻ giữ chặt cơ thể và tay trẻ. Yêu cầu cha/mẹ ngả đầu trẻ ra phía sau.
- Đưa que lấy mẫu vô trùng vào thẳng phía sau một bên mũi (không hướng lên trên), dọc theo sàn mũi tới khoang mũi hầu

3.2. Kỹ thuật lấy mẫu ngoáy dịch họng

- Yêu cầu bệnh nhân há miệng to.
- Dùng dụng cụ đè nhẹ nhàng lưỡi bệnh nhân.
- Đưa que lấy mẫu vào vùng hầu họng, miết và xoay tròn nhẹ 3 đến 4 lần tại khu vực 2 bên vùng a-mi-đan và thành sau họng để lấy được dịch và tế bào vùng họng.
- Sau khi lấy bệnh phẩm, que lấy mẫu được chuyển vào ống chứa 3ml môi trường vận chuyển (VTM hoặc UTM) để bảo quản. Lưu ý, đầu que lấy mẫu phải nằm ngập hoàn toàn trong môi trường vận chuyển, và nếu que lấy mẫu dài hơn ống đựng môi trường vận chuyển cần bẻ/cắt cán que lấy mẫu cho phù hợp với độ dài của ống nghiệm chứa môi trường vận chuyển.
- Đóng nắp, xiết chặt, bọc ngoài bằng giấy parafin (nếu có).



Hình 2: Lấy mẫu dịch ngoáy họng

3.3. Kỹ thuật lấy mẫu ngoáy dịch mũi

- Yêu cầu bệnh nhân ngồi yên, xì nhẹ dịch mũi vào khăn giấy trẻ nhỏ thì phải có người lớn giữ.
- Người lấy bệnh phẩm nghiêng nhẹ đầu bệnh nhân ra sau, tay đỡ phía sau cổ bệnh nhân.
- Tay kia đưa nhẹ nhàng que lấy mẫu vào mũi sâu khoảng 2 cm, xoay que lấy mẫu vào thành mũi trong khoảng 3 giây. Sau khi lấy xong 1 bên mũi thì dùng đúng que lấy mẫu này để lấy mẫu với mũi còn lại.
- Đặt đầu que lấy mẫu vào ống đựng bệnh phẩm có chứa môi trường vận chuyển và bẻ cán que lấy mẫu tại điểm đánh dấu để có độ dài phù hợp với độ dài của ống nghiệm chứa môi trường vận chuyển.
- Đóng nắp, xiết chặt, bọc ngoài bằng giấy parafin (nếu có).



Hình 3: Lấy mẫu dịch ngoáy mũi

3.4. Bảo quản, đóng gói và vận chuyển bệnh phẩm tới phòng xét nghiệm đối với xét nghiệm tìm vật chất di truyền (xét nghiệm PCR)

3.4.1. Bảo quản

- Bệnh phẩm sau khi thu thập được chuyển đến phòng xét nghiệm trong thời gian ngắn nhất: Bệnh phẩm được bảo quản tại 2-8°C và chuyển tới phòng xét nghiệm trong thời gian sớm nhất, đảm bảo không quá 48 giờ sau khi thu thập. Nếu do điều kiện không thể chuyển mẫu trong vòng 48 giờ sau khi thu thập, mẫu phải được bảo quản âm 70°C.
- Không bảo quản bệnh phẩm tại ngăn đá của tủ lạnh hoặc âm 20°C.

3.4.2. Đóng gói bệnh phẩm

- Bệnh phẩm được đóng gói theo nguyên tắc 3 lớp được quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế tại Thông tư 40/2018/TT-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm.

- Kiểm tra thông tin trên ống mẫu bệnh phẩm với thông tin trên phiếu điều tra đảm bảo trùng khớp nhau.

- Kiểm tra xem ống đựng mẫu bệnh phẩm đã được nắp chặt, bọc ống bằng giấy paraffin (nếu có) hoặc giấy thấm.

- Đặt ống đựng mẫu bệnh phẩm trong túi chống thấm/ túi ni lông hoặc hộp đựng có nắp và đóng kín.

- Đặt túi/hộp chứa ống đựng mẫu bệnh phẩm vào phích lạnh bảo quản mẫu hoặc thùng cứng.

- Bổ sung đủ túi/bình tích lạnh vào trong phích/thùng đựng mẫu để mẫu được bảo quản ở nhiệt độ từ +2°C đến +8°C, trong suốt quá trình vận chuyển mẫu.

- Đối với mẫu đông, bổ sung đủ túi/bình tích lạnh đã được đặt trong tủ âm 70oC để mẫu không bị tan băng trong suốt quá trình vận chuyển.

- Các phiếu yêu cầu xét nghiệm được đặt trong túi chống thấm/túi ni lông khác (không để chung phiếu với mẫu bệnh phẩm) và đặt trong phích lạnh/thùng đựng mẫu, bên ngoài có dán nhãn theo quy định tại Thông tư 40/2018/TT-BYT khi vận chuyển.

3.4.3. Vận chuyển bệnh phẩm đến phòng xét nghiệm

- Mẫu bệnh phẩm phải được bảo quản trong nhiệt độ từ +2oC đến + 8oC (hoặc tại âm 70oC nếu là mẫu đông) trong suốt quá trình vận chuyển.

- Phiếu yêu cầu xét nghiệm và phiếu điều tra phải được gửi kèm với mẫu bệnh phẩm.

- Các cơ sở gửi mẫu cần thông báo ngay cho phòng xét nghiệm khoảng thời gian dự kiến phòng xét nghiệm sẽ nhận được bệnh phẩm để cán bộ phòng xét nghiệm có thể chuẩn bị cho việc nhận mẫu.

- Lựa chọn các phương tiện, hình thức vận chuyển để đảm bảo thời gian vận chuyển ngắn nhất, trong khi vẫn phải đảm bảo điều kiện bảo quản mẫu trong suốt quá trình vận chuyển.

4. Lấy mẫu xét nghiệm test nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2

Bước 1: Chuẩn bị tuýp dung dịch đệm (buffer) theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Bước 2: Tiến hành tự lấy mẫu trước gương hoặc nhờ thành viên trong gia đình lấy mẫu giúp, có 2 kỹ thuật thường được sử dụng bao gồm:

- Kỹ thuật lấy mẫu dịch tỵ hầu:

+ Người bệnh ngửa đầu ra sau khoảng 70 độ.

+ Cầm cán que lấy mẫu nhẹ nhàng đưa đầu bông que lấy mẫu vào lỗ mũi, đẩy dọc sàn mũi và đưa sâu vào trong mũi với chiều dài tầm ¾ que lấy mẫu. Khi cảm thấy đầu que lấy mẫu chạm vào thành sau họng mũi thì dừng lại, từ từ xoay que lấy mẫu 3

lần và giữ yên trong vòng 5 đến 10 giây để đảm bảo dịch thấm tối đa mẫu bệnh phẩm. Nhẹ nhàng xoay và rút đầu que lấy mẫu ra.

- Kỹ thuật lấy mẫu ngoáy dịch mũi

+ Người bệnh ngửa nhẹ đầu ra sau.

+ Cầm cán que lấy mẫu nhẹ nhàng đưa đầu bông que lấy mẫu vào lỗ mũi thứ nhất, sâu khoảng 2 cm, cho đến khi cảm thấy lực cản nhẹ và không nhìn thấy đầu bông thì xoay que 3 lần và giữ yên trong 10 giây, tiếp tục xoay và ngoáy đầu bông để lau toàn bộ thành trong và cuốn khoang mũi cho đến khi đầu bông ướt hoàn toàn rồi từ từ rút đầu bông ra. Chuyển đầu bông sang lỗ mũi thứ 2 và lặp lại thao tác tương tự như với lỗ mũi thứ nhất.

Bước 3: Nhúng đầu tăm bông của que đã lấy mẫu vào ống tuýp đựng dung dịch đệm (buffer);

Bước 4: Dùng tay xoay đều tăm bông trong tuýp nhựa chứa dung dịch đệm, nhúng que tăm bông lên xuống trong dung dịch đệm (10 lần);

Bước 5: Chuyển tay lên phần thân trên tuýp, bóp chặt tuýp và rút từ từ que tăm bông. Đảm bảo vắt sạch toàn bộ dung dịch còn đọng trên đầu tăm bông xuống đáy tuýp.

Bước 6: Đóng chặt nắp màng lọc, lắc đều dung dịch trong tuýp bằng tay (5 lần).

Bước 7: Ghi tên mỗi thành viên lên từng khay test tương ứng. Nhỏ 3-5 giọt dung dịch trên vào giếng test (theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

Bước 8. Đọc kết quả sau 15-30 phút theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Sau khi tự lấy mẫu, người dân sẽ tự đọc kết quả theo hướng dẫn phân tích kết quả của nhà sản xuất.

- Trường hợp âm tính (chỉ xuất hiện 1 vạch C): kết luận mẫu bệnh phẩm của người được lấy mẫu có kết quả **ÂM TÍNH** tại thời điểm xét nghiệm.

- Trường hợp dương tính (xuất hiện cả 2 vạch C và T): kết luận mẫu bệnh phẩm của người được lấy mẫu có kết quả **DƯƠNG TÍNH** bằng phương pháp test nhanh kháng nguyên tại thời điểm xét nghiệm.

Báo cáo kết quả và nộp lại khay test cho cán bộ y tế để tổng hợp hoặc khi có kết quả dương tính khai báo y tế qua ứng dụng “Khai báo y tế điện tử” <http://kbyt.khambenh.gov.vn> hoặc liên hệ cán bộ trạm y tế lưu động/cố định để được hỗ trợ, giúp đỡ.

NHIỆM VỤ 3

TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG, CHỐNG COVID-19

1. Quản lý danh sách người dân trên địa bàn cần tiêm chủng vắc xin COVID-19

- Những người chưa được tiêm vắc xin.
- Những người đã được tiêm vắc xin mũi 1, thời gian tiêm mũi 2.
- Những người đã được tiêm vắc xin đủ 2 mũi.
- Những người mắc COVID-19 đã khỏi trong vòng 6 tháng.

2. Tổ chức như một điểm tiêm vắc xin phòng COVID-19 hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác tiêm chủng vắc xin COVID-19

Trạm Y tế lưu động có thể tổ chức như một điểm tiêm vắc xin phòng COVID-19 hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác tiêm chủng vắc xin COVID-19 theo điều phối của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tuyến huyện.

2.1. Đối tượng tiêm được phân loại như sau

2.1.1. Chống chỉ định

- Tiền sử rõ ràng phản vệ với vắc xin phòng COVID-19 cùng loại (lần trước).
- Có bất cứ chống chỉ định nào theo công bố của nhà sản xuất.

2.1.2. Các đối tượng trì hoãn tiêm chủng

- Có tiền sử rõ ràng đã mắc COVID-19 trong vòng 6 tháng.
- Đang mắc bệnh cấp tính.
- Phụ nữ mang thai dưới 13 tuần.

2.1.3. Các đối tượng cần thận trọng tiêm chủng

Các đối tượng sau phải được khám sàng lọc kỹ lưỡng và thận trọng:

- Người có tiền sử dị ứng với các dị nguyên khác.
- Người có bệnh nền, bệnh mạn tính.
- Người mất tri giác, mất năng lực hành vi.
- Người có tiền sử giảm tiểu cầu và/hoặc rối loạn đông máu.
- Phụ nữ mang thai ≥ 13 tuần.
- Người phát hiện thấy bất thường dấu hiệu sống:
 - + Nhiệt độ $< 35,5^{\circ}\text{C}$ và $> 37,5^{\circ}\text{C}$.
 - + Mạch: < 60 lần/phút hoặc > 100 lần/phút.

+ Huyết áp tối thiểu < 60 mmHg hoặc > 90 mmHg và/hoặc huyết áp tối đa < 90 mmHg hoặc > 140 mmHg hoặc cao hơn 30 mmHg so với huyết áp hàng ngày (ở người có tăng huyết áp đang điều trị và có hồ sơ y tế)

+ Nhịp thở > 25 lần/phút.

2.1.4. Các đối tượng đủ điều kiện tiêm chủng

Người trong độ tuổi tiêm chủng theo khuyến cáo trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất và không thuộc các nhóm trên.

2.2. Lịch tiêm vắc xin

Các vắc xin phòng COVID-19 hiện nay đều tiêm 2 liều (khoảng cách giữa hai liều theo hướng dẫn của nhà sản xuất), cụ thể:

- Vắc xin COVID-19 Vaccine AstraZeneca: Mũi 1 cách mũi 2: 8-12 tuần.

- Vắc xin Gam-COVID-Vac (tên khác là SPUTNIK V): Mũi 1 cách mũi 2: 3 tuần.

- Vắc xin Comirnaty: Mũi 1 cách mũi 2: 3 tuần.

- Vắc xin SARSCoV-2 Vaccine: Mũi 1 cách mũi 2: 3-4 tuần.

- Vắc xin COVID-19 Vaccine Moderna: Mũi 1 cách mũi 2: 4 tuần.

2.3. Đường tiêm vắc xin

Tiêm bắp, liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất đối với từng loại vắc xin.

2.4. Điều kiện bảo quản vắc xin

Các vắc xin phòng COVID-19 được bảo quản ở các nhiệt độ khác nhau theo hướng dẫn của nhà sản xuất và Bộ Y tế đối với từng loại vắc xin.

2.5. Tổ chức thực hiện khám sàng lọc trước tiêm chủng

2.5.1. Người thực hiện khám sàng lọc

Nhân viên y tế khám sàng lọc phải được tập huấn chuyên môn về khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 và xử lý phản vệ theo Thông tư 51/2017/TT-BYT của Bộ Y tế.

2.5.2. Phương tiện

- Nhiệt kế, ống nghe, máy đo huyết áp.

- Bảng kiểm khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19.

- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị y tế tối thiểu cấp cứu phản vệ theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 51/2017/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Lấy sẵn 01 bơm tiêm chứa Adrenalin 1mg/1ml.

2.6. Các nội dung khám sàng lọc trước tiêm chủng

2.6.1. Hỏi tiền sử

- Tiền sử bệnh

- Tiền sử tiêm vắc xin phòng COVID-19
- Tiền sử dị ứng
- Tiền sử mắc COVID-19.
- Tiền sử suy giảm miễn dịch nặng, ung thư giai đoạn cuối, đang điều trị hóa trị, xạ trị.
- Tiền sử rối loạn đông máu/cầm máu hoặc đang dùng thuốc chống đông.
- Phụ nữ mang thai (nếu có) hoặc đang cho con bú.

2.6.2. Đánh giá lâm sàng

- Phát hiện các bất thường về dấu hiệu sống: Đo thân nhiệt, huyết áp, đếm mạch tất cả những người đến tiêm. Đếm nhịp thở ở những người có bệnh nền.
- Quan sát toàn trạng.
- Đánh giá mức độ tri giác bằng cách hỏi những câu hỏi về bản thân người đến tiêm. Lưu ý những người có bệnh nền nặng nằm liệt giường, mất tri giác, mất năng lực hành vi.
- Ghi nhận bất kỳ biểu hiện bất thường nào quan sát thấy ở người đến tiêm để hỏi lại về tiền sử sức khỏe.

2.6.3. Kết luận sau khám sàng lọc

- Chỉ định tiêm chủng ngay cho những trường hợp đủ điều kiện tiêm chủng.
- Trì hoãn tiêm chủng cho những trường hợp có ít nhất một yếu tố phải trì hoãn tiêm chủng.
- Chuyển tiêm đến cơ sở y tế có đủ khả năng cấp cứu phản vệ cho những trường hợp có tiền sử phản vệ độ 3 với bất kỳ dị nguyên nào.
- Phụ nữ mang thai ≥ 13 tuần sau khi được giải thích nguy cơ/lợi ích nếu đồng ý tiêm chủng cần chuyển đến tiêm và theo dõi tại cơ sở y tế có khả năng cấp cứu sản khoa.
- Không chỉ định tiêm cho những người có chống chỉ định tiêm chủng.

2.6.4. Ghi chép việc khám sàng lọc và lưu hồ sơ

- Đối tượng tiêm chủng được thăm khám nếu đủ điều kiện tiêm chủng sẽ được tư vấn và ký giấy cam kết đồng ý tiêm chủng.
- Thực hiện việc ghi chép, lưu giữ cơ sở dữ liệu tiêm chủng của các đối tượng bao gồm cả trường hợp chống chỉ định vào phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe toàn dân trên trang điện tử <https://hssk.kcb.vn> theo quy định hiện hành.
- Phiếu khám sàng lọc trước tiêm chủng và Phiếu cam kết đồng ý tiêm chủng được lưu tại đơn vị tổ chức tiêm chủng. Thời gian lưu là 15 ngày.
- Các nội dung khác cần tuân thủ theo hướng dẫn tiêm chủng của Bộ Y tế.

2.6.5. Tổ chức theo dõi các phản ứng sau tiêm chủng

Người được tiêm vắc xin cần theo dõi các dấu hiệu triệu chứng sau (thời gian tự theo dõi 28 ngày sau tiêm chủng, đặc biệt trong vòng 7 ngày đầu).

- Ở miệng thấy có cảm giác tê quanh môi hoặc lưỡi;
- Ở da thấy có phát ban hoặc nổi mẩn đỏ hoặc tím tái hoặc đỏ da hoặc chảy máu, xuất huyết dưới da;
- Ở họng có cảm giác ngứa, căng cứng, nghẹn họng, nói khó;
- Về thần kinh có triệu chứng đau đầu kéo dài hoặc dữ dội, li bì; ngủ gà, lú lẫn, hôn mê, co giật;
- Về tim mạch có dấu hiệu đau tức ngực, hồi hộp đánh trống ngực kéo dài, ngất;
- Đường tiêu hóa dấu hiệu nôn, đau quặn bụng hoặc tiêu chảy;
- Đường hô hấp có dấu hiệu khó thở, thở rít, khò khè, tím tái;
- Toàn thân: Chóng mặt, choáng, xây xẩm, cảm giác muốn ngã, mệt bất thường; Đau dữ dội bất thường tại một hay nhiều nơi không do va chạm, sang chấn; Sốt cao liên tục trên 39°C mà không đáp ứng thuốc hạ sốt.

3. Sơ cấp cứu và chuyển tuyến các trường hợp có phản ứng muộn sau tiêm chủng vắc xin COVID-19

- Hướng dẫn cho người được tiêm chủng thông báo ngay cho cán bộ y tế nếu thấy có bất thường xảy ra với cơ thể (khi có dấu hiệu ở trên).

- Các dấu hiệu khó chịu, buồn nôn, phát ban, sưng tại chỗ tiêm có thể là các biểu hiện của phản ứng dị ứng.

- Các dấu hiệu tại chỗ như sưng, nóng, đỏ tại nơi tiêm (tuyệt đối không đắp bất cứ thứ gì vào nơi tiêm).

- Theo dõi thân nhiệt, cặp nhiệt độ khi sốt, sử dụng thuốc hạ sốt đúng liều lượng và theo dõi đáp ứng với thuốc hạ sốt.

Nếu phát hiện bất thường, cán bộ Trạm y tế lưu động cần sơ cấp cứu và chuyển tuyến các trường hợp có phản ứng muộn sau tiêm chủng vắc xin COVID-19 đến y tế tuyến trên kịp thời.

4. Tư vấn chuyển tuyến các trường hợp không đủ điều kiện tiêm chủng tại cộng đồng vào tiêm chủng tại các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế

- Sau khi khám sàng lọc, các đối tượng có chỉ định tiêm chủng ngay sẽ tiến hành tiêm chủng.

- Các trường hợp khác cần tư vấn chuyển tuyến các trường hợp không đủ điều kiện tiêm chủng tại cộng đồng vào tiêm chủng tại các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

NHIỆM VỤ 4

TRUYỀN THÔNG VỀ COVID-19

1. Nội dung truyền thông

- COVID-19 là gì?
- Đường lây truyền.
- Các biện pháp dự phòng, tự xét nghiệm.
- Xét nghiệm và tự xét nghiệm.
- Tự theo dõi và chăm sóc tại nhà.
- Tự phát hiện các triệu chứng nghi ngờ mắc COVID-19 và báo cho cán bộ y tế.
- Các điểm cung cấp dịch vụ y tế và các điểm hỗ trợ an sinh xã hội trên địa bàn xã/phường; Các số điện thoại cần thiết để liên hệ.
- Lợi ích, những điểm cần biết trước, trong và sau khi tiêm chủng vacxin COVID-19; vận động người dân đi tiêm chủng.

2. Một số hình thức truyền thông

- Sử dụng hệ thống loa truyền thanh xã/phường.
- Các tờ rơi, tờ gấp, sách mỏng.
- Điện thoại: Zalo; Viber; Facebook...
- Hướng dẫn, tư vấn trực tiếp.

NHIỆM VỤ 5

KHÁM, ĐIỀU TRỊ, CẤP THUỐC CHO NGƯỜI MẮC CÁC BỆNH KHÁC

- Khám, điều trị các bệnh thông thường, các bệnh mạn tính cho người dân trên địa bàn mà không thể chuyển lên tuyến trên do tác động của dịch COVID-19.
- Sơ cấp cứu và chuyển tuyến các bệnh thông thường.
- Phối hợp với các cơ sở y tế, hỗ trợ cấp phát thuốc cho người dân mắc các bệnh mạn tính.

CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Tùy theo sự phân công của Giám đốc Trung tâm Y tế quận/huyện, Trạm Y tế lưu động có thể được giao thực hiện thêm các nhiệm vụ khác.

Phụ lục 01: Danh mục các bệnh nền (có nguy cơ gia tăng mức độ nặng khi mắc COVID-19)

1. Đái tháo đường
2. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và các bệnh phổi khác
3. Ung thư (đặc biệt là các khối u ác tính về huyết học, ung thư phổi và bệnh ung thư di căn khác).
4. Bệnh thận mạn tính
5. Ghép tạng hoặc cấy ghép tế bào gốc tạo máu
6. Béo phì, thừa cân
7. Bệnh tim mạch (suy tim, bệnh động mạch vành hoặc bệnh cơ tim)
8. Bệnh lý mạch máu não
9. Hội chứng Down
10. HIV/AIDS
11. Bệnh lý thần kinh (bao gồm cả chứng sa sút trí tuệ)
12. Bệnh hồng cầu hình liềm, bệnh thalassemia, bệnh huyết học mạn tính khác
13. Hen phế quản
14. Tăng huyết áp
15. Thiếu hụt miễn dịch
16. Bệnh gan
17. Rối loạn do sử dụng chất gây nghiện
18. Đang điều trị bằng thuốc corticosteroid hoặc các thuốc ức chế miễn dịch khác.
19. Các bệnh hệ thống.
20. Bệnh lý khác đối với trẻ em: Tăng áp phổi nguyên hoặc thứ phát, bệnh tim bẩm sinh, rối loạn chuyển hóa di truyền bẩm sinh, rối loạn nội tiết bẩm sinh-mắc phải.

Phụ lục 2. Bảng theo dõi sức khỏe người nhiễm COVID 19 tại nhà

Họ và tên: _____ Sinh ngày: ____/____/____ Giới tính: Nam. Nữ Điện thoại: _____

Họ và tên người chăm sóc: _____ Sinh ngày: ____/____/____ Số điện thoại: _____ - _____

TT	↓ Nội dung Ngày theo dõi →	1		2		3		4		5		6		7		8		8		10		11		12		13		14	
		S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C
<i>Liên hệ ngay với nhân viên y tế nếu có 1 trong số dấu hiệu sau: SpO2 ≤95 %, nhịp thở ≥21 lần/phút, mạch <50 hoặc >120 lần/phút, huyết áp <90/60</i>																													
1.	Mạch (lần/phút)																												
2.	Nhiệt độ hàng ngày (độ C)																												
3.	Nhịp thở																												
4.	SpO₂ (%) (nếu có thể đo)																												
5.	Huyết áp tối đa (mmHg) <i>(nếu có thể đo)</i>																												
	Huyết áp tối thiểu (mmHg) <i>(nếu có thể đo)</i>																												
6.	KHÔNG TRIỆU CHỨNG																												

<i>Chú ý đến sức khỏe của bạn. Nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào, hãy viết (C): hoặc (K) là KHÔNG Bên dưới cho mỗi triệu chứng hằng ngày.</i>																										
7.	Mệt mỏi																									
8.	Ho																									
9.	Ho ra đờm																									
10.	Ớn lạnh/gai rét																									
11.	Viêm kết mạc (mắt đỏ)																									
12.	Mất vị giác hoặc khứu giác																									
13.	Tiêu chảy (phân lỏng / đi ngoài)																									
<i>Liên hệ ngay với nhân viên y tế nếu có một trong số các triệu chứng sau</i>																										
14.	Ho ra máu																									
14.	Thở dốc hoặc khó thở																									
15.	Đau tức ngực kéo dài																									
16.	Lơ mơ, không tỉnh táo																									

Triệu chứng khác: Đau họng, nhức đầu, chóng mặt, chán ăn, buồn nôn và nôn, đau nhức cơ... thêm vào phần “Ghi chú”

Ghi chú:

.....

Phụ lục 03: Danh sách quản lý người nhiễm COVID-19 tại nhà

Trang bìa

TÊN CƠ SỞ Y TẾ

**DANH SÁCH QUẢN LÝ
NGƯỜI NHIỄM COVID-19 TẠI NHÀ**

Năm 20....

quangth.dp - Tran Huu Quang - 13/09/2021 09:10:10

Phụ lục 4: Danh mục trang thiết bị và thuốc cho Trạm y tế lưu động

1. Trang thiết bị thiết yếu cho phòng, chống COVID-19

- Xe lăn, hoặc xe đẩy, cáng khiêng;
- Nhiệt độ, huyết áp, ống nghe;
- Máy đo SpO₂ (tối thiểu 10 chiếc để hỗ trợ đo nhiều gia đình trên địa bàn được giao);
- Có ít nhất 02 bình oxy loại 5 lít, túi Oxy và 02 đồng hồ đo áp suất oxy; 02 mặt nạ thở oxy và các phụ kiện cần thiết khác để sử dụng oxy cho người bệnh;
- Các đồ bảo hộ phòng, chống lây nhiễm SARS-COV-2, khẩu trang, găng tay, cồn khử khuẩn, kính chắn giọt bắn...;
- Các sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-COV-2,
- Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm RT-PCR;
- Có ít nhất 2 số điện thoại thường trực tiếp nhận thông tin từ các gia đình có người nhiễm COVID-19 cách ly tại nhà;
- Máy tính kết nối internet để sử dụng phần mềm chuyên dụng trong theo dõi, cập nhật thông tin sức khỏe trường hợp COVID-19, thành viên gia đình người nhiễm COVID-19 và người dân sống trên địa bàn có dịch COVID-19.

2. Trang thiết bị khám chữa bệnh thông thường:

Tùy thuộc theo nhu cầu của địa phương, bố trí các trang thiết bị trong danh mục trang thiết bị thiết yếu dành cho TYT xã/phường.

3. Danh mục thuốc:

Căn cứ nhu cầu thực tế, sử dụng các thuốc thiết yếu trong danh mục thuốc dành cho TYT xã/phường và các loại thuốc điều trị COVID-19 tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Phương tiện vận chuyển:

Huy động xã hội hóa, đảm bảo mỗi trạm y tế lưu động có 01 xe ô tô có gắn bình oxy, có xe đẩy hoặc băng-ca để vận chuyển người nhiễm COVID-19 đi cấp cứu kịp thời.

Trường hợp không có thể sắp xếp được xe, cần phối hợp với hệ thống vận chuyển cấp cứu trên địa bàn để vận chuyển kịp thời các trường hợp nhiễm COVID-19 trở nặng đến các cơ sở y tế phù hợp nhanh nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 4042/QĐ-BYT ngày 21/8/2021 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Hướng dẫn tạm thời mô hình trạm y tế lưu động trong bối cảnh dịch COVID 19.
2. Quyết định số 3416/QĐ-BYT ngày 14/7/2021 ban hành kèm theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do chủng vi rút Corona mới SARS-CoV-2 của Bộ Y tế.
3. Quyết định số 4038/QĐ-BYT ngày 21/8/2021 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Hướng dẫn tạm thời về quản lý người nhiễm COVID-19 tại nhà.
4. Quyết định số 4156/QĐ-BYT ngày 28/8/2021 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Hướng dẫn Chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại nhà.
5. Quyết định số 4156/QĐ-BYT ngày 28/8/2021 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người nhiễm COVID-19 tại nhà.
6. Quyết định số 2110/QĐ-BYT ngày 19/5/2020 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chế độ dinh dưỡng trong điều trị cho người nhiễm COVID-19”.
7. Công văn số 5599/BYT-MT ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế ban hành kèm theo Hướng dẫn tạm thời về cách ly y tế tại nhà phòng, chống dịch COVID-19 cho người tiếp xúc gần (F1).
8. Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 30/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19”.
9. Quyết định số 3802/QĐ-BYT ngày 10/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19”.
10. Quyết định số 3588/QĐ-BYT ngày 26/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tổ chức buổi tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19”.
11. Quyết định 2022/QĐ-BYT ngày 28/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Hướng dẫn sử dụng sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2.
12. Quyết định số 3986/QĐ-BYT ngày 16/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Sổ tya hướng dẫn tổ chức thực hiện cách ly y tế vùng có dịch COVID-19”.